TRUNG ƯƠNG ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN THANH THIẾU NIÊN VIỆT NAM

BẢNG ĐIỂM HỌC TẬP HỌC KỲ II LỚP K11L3
NGÀNH LUẬT

Stt	Mã sinh viên	Họ và	tên	Ngày sinh	Chủ nghĩa xã hội khoa học (2)		Kỹ năng tổ chức các hoạt động thanh thiếu nhi (3)		Luật dân sự 2 (3)		Luật hành chính (3)		Luật hình sự 2 (3)		Nghiệp vụ công tác Đoàn Hội Đội (3)		Thống kê trong khoa học xã hội (2)		Tư tưởng Hồ Chí Minh (2)		Trung bình (21)	Xếp loại
					Lần 1	Lần 2	Lần 1	Lần 2	Lần 1	Lần 2	Lần 1	Lần 2	Lần 1	Lần 2	Lần 1	Lần 2	Lần 1	Lần 2	Lần 1	Lần 2		
1	202204002	NGUYỄN HỒNG	AN	23/09/2004	7.1		9.1		8.5		8.1		9.7		7.2		8.5		7.6		**8.30**	Giỏi
2	202204010	ĐÀO HOÀNG	ANH	06/10/2004	6.3		8.7		6.0		6.5		7.3		4.2		7.9		6.2		**6.61**	Trung bình
3	202204016	LÊ MINH	ANH	16/12/2004	6.8		8.8		5.8		5.9		6.2		5.8		6.4		4.8		**6.36**	Trung bình
4	202204020	NGUYỄN DUY	ANH	02/07/2004	0.0		0.0		0.0		0.0		0.0		0.0		1.0		0.0		**0.10**	Kém
5	202204024	NGUYỄN NGỌC	ANH	16/04/2004	7.0		9.0		6.9		7.1		9.4		7.5		8.4		6.4		**7.78**	Khá
6	202204030	NGUYỄN THẾ	ANH	01/09/2004	3.7		8.6		5.9		5.9		5.9		4.1		6.3		6.2		**5.89**	Trung bình
7	202204038	TẠ NGỌC	ANH	26/11/2004	4.9		8.7		7.5		6.1		6.9		5.1		3.3		7.2		**6.37**	Trung bình
8	202204045	TRẦN NGUYỆT	ÁNH	05/10/2004	4.7		8.8		7.3		7.9		7.6		3.3		8.5		7.3		**6.94**	Trung bình
9	202204052	LƯƠNG THÙY	CHI	13/01/2004	5.1		8.8		5.0		5.9		6.4		4.7		6.7		3.5		**5.86**	Trung bình
10	202204058	NGUYỄN MẠNH	CHIẾN	02/06/2004	5.8		8.5		8.1		7.7		8.2		5.0		6.6		3.7		**6.89**	Trung bình
11	202204064	TRẦN DUY	ĐĂNG	18/10/2004	5.3		8.4		5.8		7.3		6.2		5.8		4.3		5.5		**6.22**	Trung bình
12	202204071	THÒ NGỌC	DINH	22/09/2004	5.5		8.4		5.8		6.2		7.5		3.6		4.3		5.9		**6.00**	Trung bình
13	202204077	BÙI MINH	ĐỨC	28/09/2004	3.9		8.4		7.2		7.7		8.0		5.7		4.1		6.3		**6.65**	Trung bình
14	202204084	TRẦN THỊ MAI	DUNG	20/06/2004	0.0		0.0		0.0		0.0		0.0		0.0		1.0		0.0		**0.10**	Kém
15	202204093	CHU THỊ THÙY	DƯƠNG	02/06/2004	0.0		0.0		0.0		0.0		0.0		0.0		1.0		0.0		**0.10**	Kém
16	202204099	PHAN ĐỨC	DUY	13/05/2004	3.4		8.4		6.0		3.0		6.7		2.3		3.7		5.8		**5.00**	Trung bình
17	202204106	NGUYỄN THÚY	HÀ	04/12/2004	4.2		8.4		4.5		6.8		7.8		3.6		4.3		6.3		**5.85**	Trung bình
18	202204116	NGUYỄN MINH	HẠNH	18/09/2004	4.2		9.0		3.1		3.0		6.9		3.1		0.6		5.6		**4.58**	Trung bình
19	202204123	NGUYỄN THỊ	HIỀN	22/04/2004	6.1		8.9		4.8		7.2		6.3		7.1		3.7		5.1		**6.32**	Trung bình
20	202204130	TRIỆU TRUNG	HIẾU	24/09/2004	4.7		8.8		7.9		6.1		7.5		4.8		7.8		5.8		**6.76**	Trung bình
21	202204138	NGUYỄN XUÂN	HOÀN	10/06/2004	4.1		8.2		0.0		6.4		5.3		0.0		6.0		2.6		**4.05**	Trung bình

Stt	Mã sinh viên	Họ và	tên	Ngày sinh	Chủ nghĩa xã hội khoa học (2)		Kỹ năng tổ chức các hoạt động thanh thiếu nhi (3)		Luật dân sự 2 (3)		Luật hành chính (3)		Luật hình sự 2 (3)		Nghiệp vụ công tác Đoàn Hội Đội (3)		Thống kê trong khoa học xã hội (2)		Tư tưởng Hồ Chí Minh (2)		Trung bình (21)	Xếp loại
					Lần 1	Lần 2	Lần 1	Lần 2	Lần 1	Lần 2	Lần 1	Lần 2	Lần 1	Lần 2	Lần 1	Lần 2	Lần 1	Lần 2	Lần 1	Lần 2		
22	202204150	PHẠM MẠNH	HÙNG	05/07/2004	3.7		8.3		6.4		6.1		7.5		4.0		6.1		5.6		**6.08**	Trung bình
23	202204160	NGUYỄN QUỐC	HƯNG	15/01/2004	6.4		8.2		4.5		4.5		7.9		7.6		6.6		6.8		**6.56**	Trung bình
24	202204161	VŨ THỊ THU	HƯƠNG	12/10/2004	7.0		8.9		9.1		7.7		9.2		6.3		6.6		6.9		**7.84**	Khá
25	202204166	TRẦN THỊ MỸ	HƯƠNG	27/04/2004	6.1		8.8		4.9		6.3		8.2		4.4		6.6		6.1		**6.45**	Trung bình
26	202204167	VŨ THỊ LAN	HƯƠNG	16/03/2004	4.9		8.7		4.3		7.7		7.9		3.9		6.3		5.8		**6.26**	Trung bình
27	202204175	LÂM THỊ	HUYỀN	11/12/2004	0.0		0.0		0.0		0.0		0.0		0.0		1.0		0.0		**0.10**	Kém
28	202204180	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYỀN	31/12/2003	3.9		8.7		4.4		5.6		6.5		5.6		4.0		5.2		**5.65**	Trung bình
29	202204186	LÊ CHÚC	KHANH	23/10/2004	3.0		8.8		2.8		5.4		5.4		5.6		4.6		4.4		**5.14**	Trung bình
30	202204193	TRẦN QUỐC	KHÁNH	22/07/2004	6.2		8.3		5.4		6.4		6.7		4.8		4.5		6.8		**6.18**	Trung bình
31	202204199	ĐẶNG TRẦN NGỌC	LÂM	27/07/2004	4.3		8.7		5.9		5.6		6.3		5.1		4.0		6.5		**5.92**	Trung bình
32	202204209	TRỊNH THỊ PHƯƠNG	LAN	13/12/2004	4.3		8.9		6.4		4.8		7.6		5.0		5.3		6.9		**6.24**	Trung bình
33	202204226	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	11/12/2003	6.1		8.8		6.5		6.9		8.1		6.6		6.4		6.9		**7.12**	Khá
34	202204234	PHẠM BÙI KHÁNH	LINH	14/02/2004	4.2		8.8		5.2		8.4		8.5		5.4		6.3		5.0		**6.66**	Trung bình
35	202204240	VŨ DIỆU	LINH	25/05/2004	0.0		0.0		0.0		0.0		0.0		0.0		1.0		0.0		**0.10**	Kém
36	202204246	NGUYỄN ĐỨC	LƯƠNG	16/12/2004	0.0		0.0		0.0		0.0		0.0		0.0		1.0		0.0		**0.10**	Kém
37	202204255	NGUYỄN NGỌC	MAI	09/01/2004	5.4		8.7		5.2		5.5		6.4		5.4		3.3		6.3		**5.89**	Trung bình
38	202204261	NGUYỄN ĐỨC	MẠNH	21/09/2003	6.9		8.6		6.4		6.5		7.6		4.7		5.3		6.5		**6.61**	Trung bình
39	202204267	PHẠM QUANG	MINH	12/09/2004	2.4		0.0		0.0		3.2		0.0		0.0		0.4		0.0		**0.72**	Kém
40	202204274	NGUYỄN HẢI	NAM	08/01/2004	5.6		8.9		7.3		4.2		7.3		3.6		5.8		6.1		**6.14**	Trung bình
41	202204279	TRỊNH THỊ	NGA	13/09/2004	4.1		8.5		6.2		6.6		6.5		0.0		5.6		6.0		**5.47**	Trung bình
42	202204285	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGỌC	12/09/2004	0.0		0.0		0.0		0.0		0.0		0.0		1.0		0.0		**0.10**	Kém
43	202204291	PHAN TRUNG	NGUYÊN	09/03/2004	5.5		8.8		6.3		6.6		8.5		4.8		6.4		7.0		**6.80**	Trung bình
44	202204297	MÃ THỊ	NHI	16/01/2004	6.1		8.9		5.4		7.2		5.9		4.8		6.7		6.8		**6.47**	Trung bình
45	202204304	ĐẶNG THU	OANH	25/01/2004	0.0		8.6		4.7		2.9		5.8		0.0		5.5		6.7		**4.30**	Trung bình
46	202204311	ĐÀO MAI	PHƯƠNG	09/07/2004	6.5		8.9		4.9		7.4		7.0		5.8		3.4		6.9		**6.46**	Trung bình

Stt	Mã sinh viên	Họ và	tên	Ngày sinh	Chủ nghĩa xã hội khoa học (2)		Kỹ năng tổ chức các hoạt động thanh thiếu nhi (3)		Luật dân sự 2 (3)		Luật hành chính (3)		Luật hình sự 2 (3)		Nghiệp vụ công tác Đoàn Hội Đội (3)		Thống kê trong khoa học xã hội (2)		Tư tưởng Hồ Chí Minh (2)		Trung bình (21)	Xếp loại
					Lần 1	Lần 2	Lần 1	Lần 2	Lần 1	Lần 2	Lần 1	Lần 2	Lần 1	Lần 2	Lần 1	Lần 2	Lần 1	Lần 2	Lần 1	Lần 2		
47	202204320	NGUYỄN TÀI CAO	QUANG	21/02/2004	6.7		8.8		7.9		6.3		7.5		5.3		8.1		7.0		**7.19**	Khá
48	202204330	NGUYỄN VĂN	SƠN	24/02/2003	4.3		8.6		6.1		4.1		7.4		6.2		6.3		6.4		**6.25**	Trung bình
49	202204337	LÊ VĂN	THÁI	25/10/2004	4.2		8.2		6.2		7.2		7.8		4.5		6.7		5.7		**6.42**	Trung bình
50	202204344	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	04/09/2004	0.0		0.0		0.0		0.0		0.0		0.0		0.8		0.0		**0.08**	Kém
51	202204352	TRẦN THỊ	THẢO	04/07/2004	6.4		8.8		4.4		7.0		5.4		4.7		7.3		7.2		**6.32**	Trung bình
52	202204358	ĐỖ DANH	THUẬN	05/01/2004	5.2		8.8		7.4		6.5		6.1		5.3		8.4		6.1		**6.75**	Trung bình
53	202204364	HOÀNG NGỌC	TRÂM	02/01/2004	6.0		8.6		5.3		6.3		5.7		3.0		8.5		6.9		**6.17**	Trung bình
54	202204371	NGUYỄN HÀ	TRANG	17/08/2004	5.5		8.8		4.7		4.7		6.2		6.5		7.8		6.5		**6.30**	Trung bình
55	202204378	HOÀNG THỊ KIỀU	TRINH	16/09/2004	6.5		8.7		5.9		6.4		5.6		2.7		7.6		7.4		**6.23**	Trung bình
56	202204385	MAI ANH	TÚ	19/02/2004	0.0		0.0		0.0		0.0		0.0		0.0		1.0		0.0		**0.10**	Kém
57	202204392	HOÀNG THẢO	VÂN	14/01/2004	5.1		8.7		8.4		8.0		8.4		5.2		6.3		6.5		**7.23**	Khá
58	202204398	CAO HỒNG	VŨ	29/07/2004	6.1		8.9		8.4		6.8		8.1		5.7		6.4		6.5		**7.22**	Khá
59	202204404	TRƯƠNG ĐỖ THÙY	VY	12/12/2003	7.3		9.1		9.1		8.4		8.8		7.8		7.6		7.9		**8.34**	Giỏi

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2024

TL. GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ CÔNG TÁC SINH VIÊN